TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày: 10-09-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Tấn Vũ;

2/ Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Phạm Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025, Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6- Quảng Ngãi (Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ cũ), mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN N- Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1996, tại: xã B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi thường trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Làng V, xã B, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: Nông; CCCD số: 051096006499; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H (sinh năm 1960) và bà Phạm Thị T (sinh năm 1963); Vợ: HBé MBôn – sinh năm 1993 (sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn) và có 02 con, lớn nhất 06 tuổi, nhỏ nhất 05 tuổi; tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 28/9/2021, bị cáo bị UBND xã B nay là UBND xã B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 127/QĐ/XPVPHC về hành vi "xâm hại sức khoẻ người khác" với mức phạt tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Bị cáo đã chấp hành việc nộp phạt vào ngày 04/10/2021.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 26/9/2024 đến nay. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn N*: Ông Nguyễn Chí K- Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q. (Có mặt)

- *Người bị hại:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Hbé M, sinh năm 1998, nơi cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

- *Người phiên dịch*: Ông Phạm Văn T1- Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng A- Chi nhánh B. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 27/3/2024, Phạm Văn N đi làm nhà cho ông Phạm Văn X (sinh năm 1988) ở cùng thôn. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, ông X có tổ chức mời cơm cho người làm công trên, sau đó thì ở lại uống rượu. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu xong thì Phạm Văn N đi bộ về nhà cha mẹ ruột là ông Phạm Văn H (sinh năm 1960) và bà Phạm Thị T (sinh năm 1963) ở cùng thôn (Phạm Văn N sống cùng với cha mẹ ruột). Khi về đến nhà thì N kêu bà HBé M, sinh năm 1998 (là người sống chung như vợ chồng nhưng không đăng kí kết hôn với Phạm Văn N) mở cửa cho N vô nhà ngủ. Do thấy Phạm Văn N đã say nên bà H1 MBôn có dẫn đi rửa chân rồi cùng lên nhà sàn ngủ. Lúc này, khu vực đầu tra (là khu vực hiên nhà của nhà sàn) có ông Phạm Văn H đang nằm trên võng ở góc phía Đông của đầu tra nhà sàn. Phạm Văn N nằm được một lúc nhưng không ngủ được nên tiếp tục yêu cầu bà H1 MBôn dẫn đi lên nhà ông H2 (phía sau nhà Phạm Văn N) tiếp tục uống rượu nhưng ông H2 không có nhà nên Phạm Văn N và bà H1 MBôn quay về. Phạm Văn N ngồi ở khu vực đầu tra, còn bà H1 MBôn đứng trước cửa ra vào khu vực sinh hoạt chung, còn ông H vẫn nằm vị trí lúc đầu, cách vị trí N đang ngồi khoảng 03 mét. Lúc này, Phạm Văn N có hỏi ông H là *"mẹ đâu"* thì ông H ngồi dậy và trả lời là *"không biết ngủ ở đâu*", N hỏi bà H1 MBôn là *"mẹ đâu"* thì HBé MBôn trả lời *"mẹ ngủ ở nhà người khác rồi"* rồi bà H1 MBôn đi vào khu vực sinh hoạt chung để ngủ. Nghe vậy, Phạm Văn N bực tức về việc bà T (mẹ ruột) không ngủ ở nhà nên N xuống vị trí nhà để củi lấy 01 khúc củi (cây keo) dài khoảng 90 cm, đầu lớn nhất có đường kính 5,5cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 5cm cầm trên tay và đi lên khu vực đầu tra nhà sàn. Tại đây, N dùng cây củi đập vào bảng điện lắp đặt ở cột trụ nhà làm nắp cầu chì văng ra, làm

bóng đèn điện chiếu sáng bị tắt. Tuy nhiên, Phạm Văn N không dừng lại mà tiếp tục dùng cây củi đập về phía Tây đầu tra nhà sàn (nơi để đồ dùng sinh hoạt gia đình). Vì hoảng sợ nên 02 con của N la khóc thì bà H1 MBôn dẫn con rời khỏi nhà sàn đi đến chòi rẫy keo của gia đình cách nhà khoảng 02 km để ngủ.

Do thời điểm này tại khu vực đầu tra không có ánh sáng, Phạm Văn N không xác định được phương hướng nhưng vẫn cầm cây củi đập xung quanh khu vực đầu tra nhà sàn thì cây củi đập trúng vùng đầu (vị trí trán và hốc mắt phải) của ông H. Sau khi dừng lại việc đập phá thì ông N tiếp tục ngồi tại "đầu tra" một lúc thì nghe "tiếng ho" của ông H nên tìm đến vị trí ông H thì phát hiện ông H bị thương ở vùng đầu và bất tỉnh nên Nèo hô hoán gọi người đưa ông H đi cấp cứu.

Quá trình điều tra, Phạm Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình vào ngày 27/3/2024. Phạm Văn N cho rằng nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là do say rượu, cảm thấy bực tức trong người nên nảy sinh ý định dùng khúc cây đập phá vật dụng trong nhà đã dẫn đến hành vi gây thương tích cho ông Phạm Văn H.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 118/KLTTCT-TTPY ngày 15/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Q kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Phạm Văn H tại thời điểm giám định là 56% (năm mươi sáu phần trăm).

Tại Công văn số 133/TTPY, ngày 20/6/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Q trả lời như sau: *"Tại vị trí ổ tổn thương não vùng trán, tụ máu ngoài màng cứng đã phẫu thuật, xuất huyết dưới nhện vùng trán hai bên, vỡ sọ trán hai bên, vỡ thành xoang, vết thương vùng trán kích thước (8x0,2)cm và vỡ xương trần hốc mắt phải"* chỉ xác định được các tổn thương này là do ngoại lực tác động gây ra còn do một hay nhiều ngoại lực tác động cùng một thời điểm hay không thì không xác định được.

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số: 2205/KLGĐ ngày 03/12/2024 của Trung tâm P kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của Phạm Văn N tại thời điểm gây án: Đủ khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐGTS ngày 14/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự B kết luận: Tài sản bị thiệt hại do Phạm Văn N gây ra là 58.000đ (năm mươi tám ngàn đồng).

- Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ các đồ vật sau: 01 (một) khúc củi (cây keo), dài 90cm, đầu lớn nhất có đường kính 5,5cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 5cm. Đây là đồ vật do bà H1 MBôn giao nộp cho Cơ quan điều tra sau khi xảy ra vụ việc; 01 (một) đèn pin bị hỏng màu

nâu dạng có dây đeo; 1 (một) nắp cầu chì màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ gối bằng vải màu trắng, in hình hoa văn màu hồng, kích thước dài 55cm, rộng 40cm; 01 (một) miếng bể của công tắc điện. Đây là những đồ vật của gia đình ông Phạm Văn H do Cơ quan điều tra thu giữ sau khi xảy ra vụ việc.

- Phần dân sự: Phạm Văn N đã hỗ trợ chi phí điều trị cho ông Phạm Văn H với số tiền là 2.000.000 đồng. Ông Phạm Văn H không yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự, cũng không yêu cầu bồi thường về tài sản bị thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 19/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn N về tội "Cố ý gây thương tích", quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c, khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 05 năm đến 06 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường dân sự nên miễn xét.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, người bị hại ông Phạm Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đó nêu rõ lý do sức khỏe, điều kiện gia đình, công việc đi lại khó khăn; đồng thời xác nhận đã có lời khai, ý kiến tại Cơ quan điều tra, không có yêu cầu, khiếu nại gì thêm về phần dân sự cũng như các vấn đề khác trong vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Việc vắng mặt của ông H và bà T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc vắng mặt của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị T tại phiên tòa.

[3] Về chứng cứ phạm tội:

Tại phiên toà bị cáo Phạm Văn N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó đủ cơ sở xác định: Vào đêm ngày 27/3/2024, sau khi đi uống rượu về mục đích của bị cáo là hủy hoại tài sản, không mong muốn gây thương tích cho Phạm Văn H. Tuy nhiên, trước khi dùng cây củi keo (dài khoảng 90 cm, đầu lớn nhất có đường kính 5,5cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 5cm) đập phá vật dụng ở đầu tra nhà sàn thì Phạm Văn N có nói chuyện và biết ông Phạm Văn H đang ngủ trên võng ở khu vực đầu tra nhà sàn. Do đó, buộc bị cáo phải ý thức được hành vi dùng khúc gỗ (củi keo) đập phá tài sản ở khu vực trên có thể đập trúng vào người Phạm Văn H. Tuy không mong muốn hậu quả gây thương tích cho Phạm Văn H nhưng vẫn liên tục đập phá, đập trúng vào vị trí nào thì để mặc cho hậu quả xảy ra. Hậu quả: bị cáo dùng cây đập trúng ông H, làm ông H bị thương tích tụ máu ngoài màng cứng, xuất huyết dưới nhện vùng trán hai bên, vỡ sọ trán, vỡ thành xoang, vỡ xương trần hốc mắt phải, tổn thương não vùng trán tổng tỷ lệ thương tích là 56%. Hành vi của Phạm Văn N đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự, với lỗi cố ý gián tiếp.

Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi về tội danh là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tính chất vụ án:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, mục đích ban đầu của bị cáo là nhằm đập phá tài sản không có ý thức gây thương tích cho ông H. Tuy nhiên, bị cáo sinh sống cùng nhà với ông Phạm Văn H nên biết rõ khu vực "đầu tra" nhà sàn nơi ông H thường xuyên nằm ngủ ở đây nhưng bị cáo vẫn thực hiện

hành vi dùng củi đập xuống vị trí nơi ông H nằm ngủ và gây thương tích cho ông Phạm Văn H với tỷ lệ thương tật 56%, hành vi của bị cáo thực hiện phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp.

Xét thấy sau khi gây thương tích cho ông H, bị cáo không bỏ mặc cho hậu quả xảy ra bằng việc lúc nghe tiếng ho của ông H thì bị cáo đến xem ông H thế nào, khi phát hiện ông H bị thương thì bị cáo hô hoán kêu gọi mọi người xung quanh đến đưa ông H đi cấp cứu. Do đó, hành vi của bị cáo không có yếu tố của tội "giết người".

Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn N chỉ là nhất thời bộc phát, không vì mâu thuẫn cá nhân nên hành vi của bị cáo không mang tính chất con đồ, cũng không vì động cơ đê hèn. Về quan hệ trong gia đình thì người bị hại là cha đẻ của bị cáo và cũng sống chung một nhà.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời hỗ trợ chi phí điều trị cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự những tình tiết giảm nhẹ này sẽ được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn N là người dân tộc Hre sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo chưa có tiền án. Tuy nhiên, ngày 28/9/2021, bị cáo bị UBND xã B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 127/QĐ/XPVPHC về hành vi "xâm hại sức khoẻ người khác" với mức phạt tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Bị cáo đã chấp hành việc nộp phạt vào ngày 04/10/2021, đến lần phạm tội này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng xét về nhân thân là xấu.

[7] Về hình phạt:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác và gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để không chỉ răn đe, giáo dục đối với bị cáo mà còn phòng ngừa chung cho xã hội. Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên áp dụng hình phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường dân sự nên không giải quyết.

[9] Về xử lý vật chúng: 01 (một) khúc củi (cây keo), dài 90cm, đầu lớn nhất có đường kính 5,5cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 5cm; 01 (một) đèn pin bị hỏng màu nâu dạng có dây đeo; 1 (một) nắp cầu chì màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ gối bằng vải màu trắng, in hình hoa văn màu hồng, kích thước dài 55cm, rộng 40cm; 01 (một) miếng bể của công tắc điện. Xét các vật chứng trên hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm c, khoản 3 Điều 134; các điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) khúc củi (cây keo), dài 90cm, đầu lớn nhất có đường kính 5,5cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 5cm; 01 (một) đèn pin bị hỏng màu nâu dạng có dây đeo; 1 (một) nắp cầu chì màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) vỏ gối bằng vải màu trắng, in hình hoa văn màu hồng, kích thước dài 55cm, rộng 40cm; 01 (một) miếng bể của công tắc điện.

3. Án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 10/9/2025. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6 - Quảng Ngãi;
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 6 - Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Ngoan